

**Số: 221/2021/QĐST- KDTM**

*Đông Anh, ngày 21 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 214/2021/TLST- KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Qbank).

*Trụ sở:* Số xxx BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ Hùng A. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Phạm Thị N. Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Theo Quyết định số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Q).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T Trang, ông Đặng Việt T1, bà Nguyễn Thị N1, bà Hoàng Thị Thanh T2 – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Theo Giấy uỷ quyền số 600-03/2021/UQ – TCB ngày 29/7/2021 của Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q).

- Bị đơn:*
1. Anh Hoàng Văn U, sinh năm 1984.
  2. Chị Dương Thị Thúy V, sinh năm 1985.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1958.
2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1960.
3. Cháu Hoàng Hải N2, sinh ngày 28/8/2004.
4. Cháu Hoàng Long P, sinh năm 2007.
5. Cháu Hoàng Ngọc An N3, sinh năm 2021.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N2, cháu P, cháu N3 là bố mẹ đẻ của cháu: Anh Hoàng Văn U, sinh năm 1984; Chị Dương Thị Thúy V, sinh năm 1985; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

## **2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ngân hàng TMCP Q (Qbank) và anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V đã ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 11/6/2014, anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V và Ngân hàng TMCP Q (Qbank) đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD/2014/DAH/1759 cùng khế ước nhận nợ số 1759 ngày 14/6/2014 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay vốn: Hộ kinh doanh vay món.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Ngày nhận nợ: 14/6/2014.
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/6/2019.
- Lãi suất vay: Lãi thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 14/7/2014 là 10,99%/năm đối với các khoản vay bằng VNĐ của khách hàng. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Khách

hàng cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở trung hạn cộng (+) biên độ 4,66%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Qbank quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Ngày 26/8/2014, anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V và Ngân hàng TMCP Q (Qbank) đã ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD cùng Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2015.0386/HĐHMTD/PL1 ngày 27/7/2015; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD/PL2 ngày 22/3/2016 và các khế ước nhận nợ, cụ thể:

1. Khế ước số: DAH2014.186605 ngày 16/7/2016 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 09 tháng;
- Ngày nhận nợ: 16/7/2016;
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 16/4/2017;
- Lãi suất vay: Lãi thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng trong thời gian từ ngày 16/7/2016 đến ngày 16/8/2016 là 10.76%/năm. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở ngắn hạn cộng (+) biên độ 3.86%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Qbank quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

2. Khế ước số: DAH2016.0491/KUNN ngày 26/12/2016 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 09 tháng;
- Ngày nhận nợ: 26/12/2016;
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 26/9/2017;
- Lãi suất vay: Lãi thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng trong thời gian từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/01/2017 là 10.76%/năm. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh 01

tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở ngắn hạn cộng (+) biên độ 3.86%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Qbank quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

3. Khế ước số: DAH2017.0549/KUNN ngày 24/01/2017 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 09 tháng;
- Ngày nhận nợ: 24/01/2017;
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 24/10/2017;
- Lãi suất vay: Lãi thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng trong thời gian từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/02/2017 là 10.76%/năm. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở ngắn hạn cộng (+) biên độ 3.86%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Qbank quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V tại Ngân hàng TMCP Q anh U đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 37, tại thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 464458, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1320.QĐUBND.2014/CH.00053.2014 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/5/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 5xx/TC/2014, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2014 ; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1xx/PLHĐTC/2014, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2014 do Văn phòng công chứng Đông Anh, thành phố Hà Nội chứng thực. Tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2014, căn cứ Đề nghị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân của anh Hoàng Văn U, Qbank đã phê duyệt giải ngân và kích hoạt thẻ tín dụng cho anh Hoàng Văn U với hạn mức 15.000.000 đồng và anh U đã sử dụng thẻ này phát sinh nợ cũng như các khoản phí, phạt. Ngày 13/12/2021, anh U đã tắt toán khoản vay tại thẻ tín dụng trên theo Thông báo số 8469-03/2021/TB-TCB ngày 11/12/2021 và Ngân hàng rút yêu cầu đối với khoản

nợ theo thẻ tín dụng cá nhân của anh Hoàng Văn U tại Ngân hàng. Do vậy, đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với khoản nợ theo thẻ tín dụng cá nhân của anh Hoàng Văn U tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Các đương sự thống nhất xác định: Tạm tính đến ngày **13/12/2021**, tổng số tiền anh U, chị V còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD/2014/DAH/1759; Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD cùng các Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2015.0386/HĐHMTD/PL1 ngày 27/7/2015; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD/PL2 ngày 22/3/2016 là: **944.751.811 đồng (Chín trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười một đồng)**, trong đó:

- Nợ gốc của hợp đồng tín dụng: 522.070.513 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 21.014.511 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 386.843.167 đồng.
- Lãi phạt: 14.823.620 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng rút yêu cầu đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 72.511.600 đồng và yêu cầu tính lãi phạt là: **14.823.620 đồng**. Do Ngân hàng rút yêu cầu tính phạt vi phạm hợp đồng và tính lãi phạt nên anh U, chị V phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của anh chị với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD/2014/DAH/1759; Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD cùng các Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2015.0386/HĐHMTD/PL1 ngày 27/7/2015; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD/PL2 ngày 22/3/2016, tạm tính đến ngày **13/12/2021**, bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là: **929.928.191 đồng (Chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm chín một đồng)**.

Kể từ ngày 14/12/2021, anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V tiếp tục phải chịu lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD/2014/DAH/1759; Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD cùng các Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2015.0386/HĐHMTD/PL1 ngày 27/7/2015; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DAH2014.1866/HĐHMTD/PL2 ngày 22/3/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Thời hạn thanh toán các khoản nợ nêu trên là ngày 31/3/2022.

Nếu sau ngày 31/3/2022 mà anh Hoàng Văn U, chị Dương Thị Thúy V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ toàn bộ khoản nợ nêu trên cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 37, tại thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 464458, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 1320.QĐUBND.2014/CH.00053.2014 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/5/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 5xx/TC/2014, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2014; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1xx/PLHĐTC/2014, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2014 do Văn phòng công chứng Đông Anh, thành phố Hà Nội lập để thu hồi toàn bộ khoản nợ của anh U, chị V tại Ngân hàng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 39.897.845 đồng (Ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu  $1/2 = 19.948.922$  đồng (Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Hoàng Văn U và chị Dương Thị Thúy V phải nộp 19.948.922 đồng (Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 21.782.000 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045xxx ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Thu Thanh***